

Số/No: 202557 /TB-FUEIP100

THÔNG BÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN CƠ CẤU GÓP VỐN
ĐỂ HOÁN ĐỔI LẤY MỘT LÔ CHỨNG CHỈ QUỸ ETF
BASKET OF COMPONENT SECURITIES TO EXCHANGE

- Kính gửi:
- Sở giao dịch Chứng khoán TP. HCM/ Ho Chi Minh Stock Exchange
 - Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam/ Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation
 - Các Thành Viên Lập Quỹ, Nhà đầu tư/ Authorised Participants and Investors

1. Tên CTQLQ/Fund management Company:
Công ty TNHH Một Thành Viên Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán I.P.A
/ I.P.A Securities Investment Fund Management Limited Company
2. Tên Ngân hàng giám sát/ Supervisory Bank: Ngân hàng Vietcombank
3. Mã chứng khoán/ Securities code: FUEIP100
4. Tên quỹ ETF/ ETF name: Quỹ ETF IPAAM VN100
5. Địa chỉ trụ sở chính/ Main office address: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.
6. Ngày giao dịch hoán đổi/Exchange Date: 08/05/2025
7. Đơn vị tính/Unit: 1 lô ETF = 100.000 Chứng chỉ quỹ ETF/ 1 Creation Unit = 100.000 ETF shares.

Danh mục và tỷ lệ chứng khoán cơ cấu hoán đổi 1 lô ETF/
Component and weight of securities to exchange for an ETF Creation Unit as follow:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
No	Securities code	Quantity	Weight
I.	Chứng khoán/Stock		
1	ACB	1,800	4.83%
2	BID	100	0.39%
3	BVH	100	0.55%
4	CMG	100	0.37%
5	CTG	400	1.68%
6	DBC	100	0.31%
7	DCM	100	0.38%
8	DGC	100	1.03%
9	DGW	100	0.37%
10	DIG	200	0.35%
11	DPM	100	0.38%
12	DXG	300	0.54%
13	EIB	700	1.49%
14	EVF	300	0.32%
15	FPT	600	7.36%
16	FRT	100	1.94%
17	GAS	100	0.68%
18	GEX	300	1.00%
19	GMD	200	1.16%
20	GVR	100	0.28%
21	HAG	300	0.44%



22	HCM	200	0.57%
23	HDB	1,200	2.81%
24	HDG	100	0.27%
25	HHV	200	0.27%
26	HPG	1,600	4.55%
27	HSG	200	0.33%
28	KBC	200	0.54%
29	KDC	100	0.63%
30	KDH	300	0.96%
31	LPB	1,300	4.68%
32	MBB	1,500	3.90%
33	MSB	1,100	1.38%
34	MSN	400	2.73%
35	MWG	500	3.36%
36	NAB	500	0.95%
37	NKG	200	0.28%
38	NLG	100	0.34%
39	OCB	700	0.82%
40	PAN	100	0.26%
41	PC1	100	0.25%
42	PDR	200	0.37%
43	PLX	100	0.37%
44	PNJ	100	0.81%
45	POW	300	0.43%
46	PVD	100	0.20%
47	PVT	100	0.24%
48	REE	100	0.78%
49	SAB	100	0.54%
50	SBT	200	0.38%
51	SHB	1,600	2.26%
52	SSB	800	1.66%
53	SSI	600	1.53%
54	STB	900	3.91%
55	TCB	2,100	6.34%
56	TCH	200	0.39%
57	TPB	600	0.93%
58	VCB	400	2.55%
59	VCG	200	0.48%
60	VCI	200	0.81%
61	VHM	500	3.47%
62	VIB	1,000	1.95%
63	VIC	500	4.11%
64	VIX	600	0.82%

65	VJC	100	0.99%
66	VND	500	0.81%
67	VNM	400	2.56%
68	VPB	1,800	3.42%
69	VRE	400	1.11%
II.	Tiền/Cash (VND)	35,158,035	

Chênh lệch giữa giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu và giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/

Difference between the value of securities basket and the offering price of an ETF creation Unit as follow:

Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/Value of component securities basket : (VND) 893,722,000

Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ Value per ETF creation unit : (VND) 928,880,035

Giá trị chênh lệch/Cash component : (VND) 35,158,035

Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ Plan to reduce the difference:

- Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/For Creation Order:

Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer the difference in to the Fund's Account.

- Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/For Redemption Order:

Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ Receive the difference from the Fund after subtracting tax and redemption fee.

Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay thế bằng tiền (nếu có)/ In case, component securities can be replaced by cash (if any)

STT	Mã chứng khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu	Đối tượng áp dụng	Lý do
No.	Securities code	Substitution cash per share VND	Applied to	Reason
1	ACB	24,000	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
2	BID	34,900	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định khoản 4(a) điều 28 thông tư 121/2020/TT-BTC BVSC: Restriction of ownership by Circular
3	FPT	109,700	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
4	GMD	52,000	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
5	MBB	23,250	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
6	MWG	60,100	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
7	PNJ	72,800	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
8	REE	69,500	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
9	TCB	27,000	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
10	TPB	13,900	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
11	VPB	17,000	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
12	VND	14,550	VND	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Treasury stock not yet registered for trading

Thông tin đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty/Quỹ tại đường dẫn: <https://ipaam.com.vn/vi/home/>

This information was disclose on Company/Funds Portal at: <https://ipaam.com.vn/vi/home/>

Đại diện tổ chức/Organization Representative

Người được ủy quyền công bố thông tin/ Persons Authorized to Disclose Information

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có) / (Signature, full name and seal - if any)



Kế toán trưởng
Nguyễn Thị Thúy Lan

